

## SỰ THAY ĐỔI VAI TRÒ TRONG GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA PHỤ NỮ CƠ-TU Ở VÙNG TÁI ĐỊNH CƯ THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 4, HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

**CN. Đặng Minh Ngọc**  
**Viện Dân tộc học**

**Tóm tắt:** Theo phong tục truyền thống, những người phụ nữ Cơ-tu ở hai xã Zuoih và Tà Pơ thuộc huyện Nam Giang hầu như chỉ biết làm nương rẫy, chăm sóc con cái, làm việc nhà, rất ít có quyền quyết định những công việc quan trọng trong gia đình và cộng đồng. Từ khi tái định cư do dự án Thủy điện Sông Bung 4, họ đã được trao quyền sử dụng tài sản (đất đai, tiền đền bù), tiếp cận tốt hơn các dịch vụ y tế, giáo dục và mở rộng các mối quan hệ xã hội. Điều này giúp họ nâng cao vị thế và vai trò của mình, từ người ít có tiếng nói thành người có quyền tham gia và quyết định các công việc trong gia đình và ngoài xã hội, đồng thời được hưởng nhiều quyền lợi hơn. Qua nghiên cứu trường hợp một số hộ dân ở xã Zuoih và xã Tà Pơ của huyện Nam Giang, bài viết góp phần làm rõ về sự chuyển đổi vai trò của những người phụ nữ Cơ-tu trong hầu hết các khía cạnh của đời sống từ khi tái định cư.

**Từ khóa:** Vai trò gia đình, cộng đồng, phụ nữ Cơ-tu, tái định cư, Thủy điện Sông Bung 4, Quảng Nam.

Ngày nhận bài: 2/10/2019; ngày gửi phản biện: 7/10/2019; ngày duyệt đăng: 5/12/2019

### Mở đầu

Dự án Thủy điện Sông Bung 4 nằm trong hệ thống thủy điện của sông Vu Gia - Thu Bồn thuộc địa bàn hai xã Zuoih và Tà Pơ của huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Thời điểm năm 2005, trước khi thực hiện tái định cư, xã Zuoih có 70% hộ nghèo và là một trong những xã vùng sâu, vùng xa nghèo nhất của huyện Nam Giang (UBND xã Zuoih, 2005). Khi triển khai dự án, 224 hộ gia đình người Cơ-tu tại bốn thôn Pa Dhy, Pa Rum B, Pa Rum A và Thôn 2 thuộc xã Zuoih di chuyển đến khu tái định cư trên địa bàn xã Zuoih và thôn Pa Păng, xã Tà Pơ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Việc di dân tái định cư này đã phần nào làm thay đổi sinh kế và đời sống của các gia đình bị ảnh hưởng, đặc biệt là góp phần cải thiện vai trò của phụ nữ Cơ-tu trong gia đình và xã hội.

Thực tế diễn ra ở một số dự án thủy điện, khi di dời người dân tới khu tái định cư, các dự án hầu như chỉ quan tâm tới việc đền bù tài sản đã bị mất của các hộ gia đình. Do nam giới là chủ hộ nên họ là người đại diện gia đình đứng ra nhận toàn bộ tiền bạc, đất đai của gia đình được đền bù và điều này đã làm cho phụ nữ ít có quyền quyết định đối với những tài sản do

đền bù tái định cư mang lại. Đối với dự án Thủy điện Sông Bung 4, họ đã trao quyền cho phụ nữ bằng cách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu tái định cư có tên cả vợ và chồng, đồng thời tiền đền bù được đưa vào sổ tiết kiệm ghi tên chung hoặc làm sổ riêng cho mỗi người để gửi vào ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Nam Giang. Qua nghiên cứu trường hợp một số hộ dân trong diện tái định cư ở xã Zuoih và xã Tà Pơ thuộc huyện Nam Giang, bài viết góp phần làm rõ sự chuyển đổi vai trò và vị thế của những người phụ nữ Cơ-tu trong một số khía cạnh đời sống do tác động của quá trình tái định cư.

## **1. Vài nét về vai trò của phụ nữ Cơ-tu trước khi tái định cư**

Theo phong tục truyền thống của người Cơ-tu, khi đám cưới giữa đôi trẻ diễn ra, gia đình nhà gái hầu như không tốn kém gì, mà còn nhận được nhiều sính lễ có giá trị như trâu, bò, lợn, gà; chiêng, ché quý; trang sức bằng mã não, thổ cẩm từ gia đình nhà trai. Chính vì sự tốn kém này nên không biết từ bao đời nay, không ít người đàn ông Cơ-tu luôn giữ trong tâm trí quan niệm cưới vợ về nhà là lấy thêm lao động cho gia đình. Qua phỏng vấn một số người lớn tuổi, những già làng am hiểu về văn hóa truyền thống của đồng bào Cơ-tu, chúng tôi được biết, bất kể điều kiện kinh tế, khi con cái kết hôn, gia đình hai bên đều cố gắng tổ chức đám cưới theo đúng phong tục với những lễ nghi và chi phí khá rườm rà. Có như vậy gia đình mới không bị họ hàng, cộng đồng chê trách. Khi được hỏi, một số nam giới Cơ-tu nơi đây đã nói: *“Vì mình phải tốn kém nhiều trâu, bò, lợn, gà, đồ trang sức, thổ cẩm, ché, chiêng quý mới cưới được vợ, vì thế nó phải làm cả đời để bù lại những của cải mà mình đã bỏ ra”*. Thực tế cho thấy, không ít người phụ nữ Cơ-tu là lao động chính, đảm nhiệm mọi công việc nặng nhọc trong gia đình, thậm chí có lúc còn làm việc đến kiệt sức. Đối với một gia đình gồm ba, bốn thế hệ, mẹ chồng là người giữ kho thóc, quyết định mọi việc bếp núc, phân chia lương thực và thức ăn hàng ngày trong gia đình. Con dâu luôn tuân theo sự chỉ bảo của cha mẹ chồng, không được to tiếng, không được cãi lại bố mẹ chồng... mới được coi là biết đạo lý. Họ không có tài sản riêng ngoài mấy tấm sà lùng đẹp tự dệt để mặc vào các dịp lễ hội.

Dù cuộc sống gia đình có tồi tệ đến đâu, người phụ nữ Cơ-tu hiếm khi nghĩ đến chuyện ly hôn, vì nếu chuyện đó xảy ra họ sẽ phải lo liệu tiền bạc và của cải mà nhà trai đưa sang nhà gái làm đồ sính lễ trong hôn nhân để trả lại cho nhà chồng theo phong tục. Với quan niệm lấy vợ là lấy thêm lao động cho gia đình nên không ít đàn ông Cơ-tu có tư tưởng ỷ lại, thiếu sự chia sẻ với vợ mình trong các hoạt động sản xuất, nhất là việc nhà, chăm sóc con cái và phụng dưỡng cha mẹ. Phụ nữ làm càng nhiều việc, nhất là việc nặng, thì được cho là vợ tốt, cha mẹ chồng khen là con dâu hiếu thảo. Có thể thì mới được gia đình nhà chồng tôn trọng... (Sơn Gia Phúc, 2014).

## **2. Sự chuyển đổi vai trò của phụ nữ Cơ-tu ở nơi tái định cư**

### **2.1. Giảm sức lao động trong sản xuất và sinh hoạt**

Trước đây, sau khi lập gia đình, phụ nữ Cơ-tu phụ thuộc hoàn toàn vào chồng và gia đình nhà chồng. Trong gia đình mới của họ, bố mẹ chồng và chồng là những người có toàn quyền

quyết định mọi công việc như làm nhà, mua bán trâu bò, mua sắm các vật dụng có giá trị lớn,... Người phụ nữ làm việc trên rẫy từ sáng tới chiều, đảm đương việc nội trợ trong gia đình và dệt vải mỗi khi rảnh rỗi. Họ ít đi ra khỏi thôn và đến xã, chỉ đi lên huyện trong trường hợp gia đình có người ốm phải chăm sóc, đặc biệt là họ hầu như không tham gia vào các cuộc hội họp ở thôn vì cho rằng đây chỉ là nơi dành cho nam giới.

Trong những năm 2009 - 2011, với sự hỗ trợ của Dự án “Cải thiện sinh kế cho các cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi dự án Thủy điện Sông Bung 4” do Quỹ Giảm nghèo Nhật Bản (JFPR) tài trợ, cuộc sống của những người phụ nữ Cơ-tu ở đây đã được thay đổi mạnh mẽ hơn trước với sự hỗ trợ, sẻ chia của người chồng, đặc biệt là trong lao động sản xuất. Trước đây, cả nam và nữ giới đều tham gia vào các hoạt động sinh kế của gia đình nhưng khi có nguồn thu tiền mặt từ việc bán các nông lâm sản, nhất là từ hoạt động săn bắt, người đàn ông thường nắm giữ và quyết định chi tiêu. Không ít người đàn ông đã sử dụng phần nhiều nguồn thu này cho nhu cầu cá nhân (thuốc lá, bia, rượu, đồ nhậu,...).

Hiện nay, nhiều cặp vợ chồng trẻ tách ra ở riêng và nguồn thu tiền mặt mà người chồng có được từ các hoạt động sinh kế đã đưa cho người vợ để mua sắm, chi tiêu cho cả gia đình. Đặc biệt, nam giới đã tham gia nhiều hơn vào các hoạt động nông nghiệp để giảm sức lao động cho phụ nữ. Trong chăn nuôi gia súc, việc chăn thả trâu, bò, dê cũng chuyển dần sang nam giới do bãi chăn thả ở cách xa nơi ở hiện tại, người dân phải đi xe máy xuống bãi chăn thả hoặc đi xe máy xuống đập thủy điện, sau đó đi thuyền sang bãi chăn thả và đàn ông có thể đảm đương tốt hơn công việc này. Theo đó, phần lớn các hộ gia đình nuôi 1 - 2 con bò, có hộ nuôi tới 20 con.

Từ khi tái định cư, 100% hộ gia đình có điện lưới quốc gia với nhà làm bằng gỗ, lợp mái tôn, nền lát gạch đá hoa, tất cả các hộ đều có nhà vệ sinh và nhà tắm. Một số hộ còn có bếp nấu trong nhà như người Kinh, giúp cho công việc nội trợ của phụ nữ Cơ-tu đỡ tốn nhiều thời gian và công sức: *“Xây thêm cái bếp là để cho vợ nấu ăn đỡ vất vả nên mình làm theo ý của vợ”* (PVS, nam, 1972). Đa số các gia đình sắm nồi cơm điện, điều này tiết kiệm thời gian và sức lực cho người phụ nữ, vì *“nấu một nồi cơm bằng bếp củi phải mất ít nhất 1 - 1,5 giờ đồng hồ, rất mất thời gian và tốn củi nhưng với nồi cơm điện thì nhàn lắm, nấu ăn đỡ vất vả nên mình có nhiều thời gian chăm sóc con cái và gia đình”* (PVS, nữ, 1976).

## **2.2. Trong chăm sóc sức khỏe**

Trước tái định cư, đa số phụ nữ Cơ-tu sinh con ở nhà với sự hỗ trợ của mẹ chồng. Kết quả khảo sát tại Thôn 2, xã Zuoih cho thấy, trước đây khoảng cách từ thôn này tới nơi cung cấp dịch vụ y tế khá xa và thiếu sự tiếp xúc với nữ hộ sinh, nên có thể làm tăng tỷ lệ chết của bà mẹ và trẻ sơ sinh. Còn ở những thôn thường xuyên có nữ hộ sinh từ trung tâm y tế xã đến thăm khám và kiểm tra cho phụ nữ có thai thì số ca tử vong của bà mẹ và trẻ em hầu như không có (SWECO International 2007, Sông Bung 4, Gender Action Plan, tr. 9).

Do chưa sử dụng được xe máy nên trước đây phụ nữ luôn phải phụ thuộc vào chồng khi muốn đi xa. Hiện tại, tình trạng này đã được khắc phục, giao thông đi lại thuận tiện, đa

số các hộ có xe máy nên phụ nữ có thể sử dụng phương tiện này để đi tới khu sản xuất, đi chợ mua sắm hoặc đưa con cái tới trường hay khám bệnh. Do đó, 100% phụ nữ khi mang thai đều đi khám tại trạm y tế xã hoặc trung tâm y tế của huyện.

Ở thôn Pa Rum B, trước đây trạm y tế xã được dựng bằng gỗ đơn sơ, trường trạm và các cán bộ y tế chỉ có trình độ trung cấp hoặc sơ cấp. Thời điểm đó, trạm chỉ có máy phát điện nhỏ và không có máy tính. Người dân tại các thôn ở xa phải đi bộ hàng giờ mới tới được trạm y tế để xin thuốc. Ngày nay, trạm y tế được đặt ở trung tâm hành chính của xã Zuoih, đạt tiêu chuẩn quốc gia. Các nhân viên y tế quản lý bệnh nhân khám bảo hiểm y tế qua hệ thống điện tử theo quy định của Bộ Y tế. Đường xá thuận tiện, khoảng cách từ thôn tới trạm y tế xã rất gần đã tạo điều kiện cho người dân đến khám chữa bệnh, giúp nâng cao sức khỏe cho cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

Môi trường xung quanh nơi cư trú trước kia của các hộ gia đình không đảm bảo. Đa số các hộ không có nhà vệ sinh hoặc chỉ có hố vệ sinh đơn giản ngoài vườn cách xa nơi ở; chăn nuôi theo lối thả rông..., dẫn đến nhiều dịch bệnh cho người và gia súc. Khi chuyển đến khu tái định cư, tất cả các hộ đều được hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh, nhà tắm; vật nuôi hầu hết được nuôi nhốt riêng, cách xa nơi ở nên vấn đề vệ sinh môi trường được cải thiện rõ rệt, các bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng nói chung và ở phụ nữ nói riêng cũng giảm hẳn.

### **2.3. Trong cải thiện dân trí**

Khi chưa tái định cư, mỗi thôn có một lớp học cắm bản được dựng bằng tre, gỗ với vài bộ bàn ghế nhỏ dành cho học sinh lớp 1 và lớp 2. Điểm trường đặt ở trung tâm xã với bậc tiểu học và trung học cơ sở, còn bậc trung học phổ thông thì các em phải ra học ở thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang. Do khoảng cách địa lý cũng như điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên nhiều em bỏ học giữa chừng. Hiện nay, do có tiền đền bù và cùng chồng nắm giữ tài chính gia đình nên phụ nữ đã có sự can thiệp tích cực hơn đến việc học hành của con cái: *“Chị còn giữ quyền số tiết kiệm riêng của mình hơn 100 triệu tiền đền bù không tiêu gì đến, sẽ chuyển sang tên cho con gái để cho con gái học hết đại học ngoại ngữ ở Đà Nẵng”* (PVS, Nữ, 1977). Từ khi tái định cư, điểm trường tiểu học đặt ở thôn được xây dựng khang trang với đầy đủ trang thiết bị dạy và học, bậc trung học cơ sở đặt ở trung tâm xã. Đường đi ra trường học thuận tiện nên đa số trẻ em trong độ tuổi đi học đều đến trường. Ngoài ra, Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Trỗi ở xã Chà Vål cách trung tâm xã Zuoih khoảng 5km, cách thôn Pa Rum A 11km nên rất thuận tiện cho học sinh ở trong xã theo học.

Hiện nay, các thôn đều có đường ô tô đi lại thuận tiện, thương lái người Kinh thường xuyên đến đây trao đổi hàng hóa, người Cơ-tu trong thôn còn đi chợ Chà Vål và chợ Thạnh Mỹ để mua bán nên tiếng phổ thông của họ thành thạo hơn rất nhiều. Gần đây hầu như hộ nào cũng sắm một chiếc tivi màu để xem những chương trình thời sự, giải trí ưa thích được phát sóng bằng tiếng phổ thông trên các kênh Trung ương và địa phương. Việc tiếp xúc dễ

dàng với các thiết bị như đài, ti vi, điện thoại di động... cũng giúp người phụ nữ Cơ-tu cải thiện tiếng phổ thông, nâng cao trình độ dân trí.

#### **2.4. Trong mối quan hệ cộng đồng**

Theo truyền thống trước đây, điều hành công việc chung của cộng đồng người Cơ-tu là Chủ làng (*Ta coor vel*) và Hội đồng già làng (*Pa lich ta coor vel*). Chủ làng đồng thời cũng là chủ đất (*kar táng*) và chủ rừng. Trong Hội đồng già làng có phân công người phụ trách quân sự để chỉ huy khi làng xảy ra biến cố. Thầy cúng cũng là người rất có uy tín trong cộng đồng. Ngày nay, tổ chức xã hội truyền thống đã thay đổi, không còn Chủ làng. Điều hành công việc chung của thôn là Ban quản trị thôn. Trong Ban quản trị, có trưởng thôn, bí thư chi bộ và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội... còn có các già làng. Trước tái định cư, Ban quản trị thôn đã hình thành nhưng phụ nữ Cơ-tu chỉ tham gia vào vị trí là trưởng các đoàn thể, những vị trí còn lại đều do nam giới đảm nhiệm. Kể từ khi tái định cư, đã có nữ giới được bà con tín nhiệm bầu vào vị trí trưởng thôn như ở thôn Pa Rum B có bà Zơ Râm Nhật, Pa Rum A có bà A Lăng A Eo, thôn Pa Dìh có bà A Lăng Hy,... Những người phụ nữ này là hạt nhân tích cực trong việc tham gia, vận động, phổ biến thông tin về đền bù tái định cư tới chị em phụ nữ Cơ-tu cũng như người dân trong diện bị ảnh hưởng bởi thủy điện kể từ khi Dự án Sông Bung 4 bắt đầu khởi công cho tới nay. Đây là kết quả từ hoạt động nâng cao năng lực cho phụ nữ của Dự án tái định cư Thủy điện Sông Bung 4. Do thường xuyên gặp gỡ chị em phụ nữ trong thôn để lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm nuôi dạy con cái và quan hệ gia đình, những nữ trưởng thôn này đã có vai trò tích cực trong việc ngăn ngừa, khuyên giải các trường hợp mâu thuẫn, bạo lực gia đình,...

#### **2.5. Cơ hội tham gia các lớp tập huấn sản xuất, nâng cao năng lực**

Trong quá trình tái định cư, tất cả các cuộc tham vấn đều có phụ nữ tham gia, những cuộc tham vấn riêng dành cho phụ nữ và các thông tin đều được dịch sang tiếng Cơ-tu. Điều này đảm bảo rằng phụ nữ được cung cấp đủ thông tin về quá trình đền bù và tái định cư. Đây là quá trình nâng cao năng lực giúp cho phụ nữ Cơ-tu từng bước có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong gia đình và cộng đồng.

Trước tái định cư, Phòng Dân tộc, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Nam Giang có tổ chức tập huấn hướng dẫn bà con trồng những giống cây mới như lúa nước, ngô cao sản, sắn và một số loại cây ăn quả như quế, cam, quýt, xoài, chôm chôm. Tuy nhiên, thành phần tham gia tập huấn hầu như chỉ có nam giới. Phụ nữ Cơ-tu nghĩ rằng nam giới hiểu biết hơn mình và việc tham gia các buổi hội họp ngoài xã hội chỉ dành cho họ. Với ý nghĩ đó, phụ nữ ít tham gia các khóa tập huấn kỹ thuật sản xuất, và vì thế họ thường bị hạn chế trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội học hỏi, nâng cao kiến thức.

Từ khi có Dự án “Cải thiện sinh kế của các cộng đồng dân tộc thiểu số dễ bị tổn thương bởi dự án Thủy điện Sông Bung 4 ở tỉnh Quảng Nam”, quan niệm truyền thống của phụ nữ Cơ-tu ở xã Zuoih đã phần nào thay đổi. Họ được các chuyên gia tư vấn về giới và dân tộc thiểu số, được cán bộ hỗ trợ cộng đồng cùng với trưởng thôn và chi hội trưởng Hội

Phụ nữ thuyết phục tham gia vào các cuộc họp và tập huấn. Để tạo điều kiện cho phụ nữ có thể phát biểu ý kiến của mình mà không phải chịu áp lực khi có nam giới, Dự án đã có các cuộc thảo luận dành riêng cho nữ giới. Từng bước, phụ nữ người Co-tu đã mạnh dạn hơn trong các cuộc họp của cộng đồng. Thống kê của các khóa tập huấn nâng cao năng lực về nông nghiệp của dự án JFPR từ 2009 - 2012 cho biết: "...Việc tập huấn và thực hành các mô hình về nông nghiệp đã tập trung vào cả nam và nữ tại những thôn thuộc xã Zuoih bị ảnh hưởng bởi Thủy điện Sông Bung 4, trong đó tổng số lượt người tham gia vào những mô hình và các khóa tập huấn về nông nghiệp là 4.855 người tham dự với 2.453 người là nữ, chiếm 50,5%" (Norman Tilos, 2016, tr. 14).

## **2.6. Tăng quyền quyết định chi tiêu trong gia đình**

Như đã đề cập, sinh kế trước kia của các hộ gia đình người Co-tu ở khu vực Thủy điện Sông Bung 4 chủ yếu dựa vào canh tác nương rẫy, chăn nuôi và khai thác các nguồn lợi tự nhiên. Tuy vậy, tiền mặt thu được từ các hoạt động này chủ yếu do người chồng hoặc bố mẹ chồng nắm giữ, người vợ không cầm tiền và cũng không được quyết định việc mua sắm trong gia đình. Còn xu hướng hiện nay là các cặp vợ chồng trẻ tách ra ở riêng ngay sau khi kết hôn: *"Em làm nhà ở riêng vì sợ ở cùng bố mẹ lâu quá thì thôn sẽ hết đất, không còn đất ở cạnh đường để cấp cho mình làm nhà, mình lại phải ở chỗ heo hút không có đường ô tô, xe máy đi được"* (PVS, nam, 1997). Với các gia đình nhỏ hạt nhân, người vợ có thể bàn bạc cởi mở với chồng về việc chi tiêu, mua sắm những tài sản lớn như xe máy, tivi, đài, bếp ga, máy xay xát: *"Hai vợ chồng em bàn bạc, quyết định mua máy xay xát gạo cho bà con trong thôn để có thu nhập thêm hàng tháng"* (PVS, nam, 1993).

Sự phân công lao động ở các hoạt động sinh kế khác nhau chỉ ra rằng, phụ nữ đóng vai trò trong việc duy trì lương thực và nguồn thu nhập khá tốt mặc dù đóng góp về tiền mặt của họ là khá nhỏ. Họ mang những sản vật thu hái được từ rừng hoặc các sản phẩm thủ công để đổi lấy những thứ thiết yếu cho nhu cầu của gia đình như quần áo, dầu, muối,... Trước tái định cư, *"khi cần mua hoặc bán những vật dụng lớn trong gia đình như trâu, bò, chiêng, ché đều do bố mẹ chồng hoặc chồng quyết và nắm giữ tài chính, ý kiến của vợ chỉ là tham khảo hoặc là không cần hỏi"* (PVS, nữ, 1956). Hiện nay, nhờ có dự án tái định cư Thủy điện Sông Bung 4, tiền đền bù được chi trả cho cả hai vợ chồng và đưa vào sổ tiết kiệm ghi tên hai người hoặc mỗi người một sổ tiết kiệm đứng tên riêng. Điều này giúp phụ nữ có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong việc đưa ra các quyết định liên quan tới kinh tế trong gia đình, vì nếu người chồng muốn mua tài sản lớn cũng cần phải được vợ đồng ý và có chữ ký của vợ mới rút được tiền ra khỏi ngân hàng. Với nhiều gia đình, sổ tiết kiệm của chồng đã tiêu hết tiền nhưng sổ tiết kiệm của vợ vẫn còn nguyên như trường hợp của anh Zơ Râm A: *"Hỏi nhận tiền đền bù may mà dự án tách cho vợ mình sổ tiết kiệm 200 triệu đồng riêng nên bây giờ sổ tiết kiệm của mình tiêu hết rồi vẫn còn sổ tiết kiệm của vợ để chi tiêu cho con cái học hành và mua dầu, mắm muối, chứ để cho mình giữ bây giờ chắc là không còn đồng nào"*. Vị thế của phụ nữ Co-tu trong gia đình đã thay đổi nhiều hơn trước, 100% số người được hỏi đều trả lời rằng

trong gia đình muốn mua tài sản gì lớn hoặc sinh thêm con đều cần có sự bàn bạc và đồng thuận của hai vợ chồng. Đây là một chỉ số cho thấy vị thế của phụ nữ đã được cải thiện.

Một số hộ gia đình còn biết sử dụng rất hiệu quả tiền đền bù. Ngoài việc làm nhà, mua sắm các vật dụng cần thiết cho gia đình, họ còn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hay việc học hành của con cái như trường hợp người phụ nữ ở Thôn 2: *“Năm nay chị 33 tuổi, chồng chết từ năm 2007 do tai nạn khi đánh cá, một mình chị nuôi hai con nhỏ. Từ đó đến nay, con trai lớn đã học hết lớp 12, lấy vợ và có con, con gái thứ hai đang học trường nội trú của tỉnh ở Hội An. Chị tiết kiệm mọi khoản chi tiêu trong gia đình, chỉ dám mua những gì thực sự cần thiết, không dám phung phí như người ta để còn dành tiền ở ngân hàng cho các con học đại học sau này. Chị mong các con đỗ đại học và trở thành giáo viên hoặc bác sỹ, chúng sẽ không phải đi làm rầy vát và như chị, cuộc sống của chúng sẽ tốt hơn cuộc sống của chị”* (PVS, nữ, 1983).

### **2.7. Tăng quyền tự quyết trong hôn nhân**

Do theo chế độ phụ hệ nên sau đám cưới cô dâu chuyên đến ở trong gia đình nhà chồng. Trước đây, tuổi kết hôn của nữ giới người Cơ-tu thường từ 12 - 20 và nam giới là từ 15 tuổi trở lên. Nhiều cô gái được bố mẹ gả cưới ở độ tuổi từ 12 - 15. Điều này đồng nghĩa với việc các bậc cha mẹ cho con kết hôn khi chưa đủ tuổi theo quy định của pháp luật Việt Nam (SWECO International 2007, Gender Action Plan, tr. 13).

Kể từ khi tái định cư, do được tuyên truyền, phổ biến thông tin từ cán bộ huyện, xã, thôn và cán bộ dự án JFPR, nhận thức của người dân dần dần thay đổi. Từ đó, nữ giới được quyền chủ động hơn ở độ tuổi kết hôn và hầu như không có trường hợp tảo hôn trong những năm gần đây.

Quan niệm trước đây của người Cơ-tu cho rằng con gái là một khoản “đầu tư”, có thể mang lại tài sản cho gia đình thông qua việc thách cưới. Vì vậy, qua kết quả phỏng vấn cho thấy, rất nhiều đôi vợ chồng thích sinh nhiều con gái hơn vì khi con cái kết hôn, cha mẹ sẽ được nhận khoản tiền và đồ thách cưới có giá trị lớn. Do tục thách cưới nặng nề nên khi người vợ muốn chủ động ly dị mà lỗi không phải do người chồng thì việc này rất khó khăn vì gia đình cô ta phải trả lại toàn bộ số tiền thách cưới, và trong trường hợp này một nửa số con sẽ thuộc về gia đình nhà chồng. Khi đó, cô ta có thể quay về sống với bố mẹ đẻ hoặc họ hàng của mình. Nhưng nếu người chồng khởi xướng việc ly hôn, người vợ sẽ có quyền nuôi các con và gia đình cô ta không phải đền tiền thách cưới cho gia đình nhà chồng. Tất cả các cuộc ly dị trước đây đều được Hội đồng già làng xem xét và giải quyết. Hiện nay, hầu hết các cặp vợ chồng nếu quyết định ly dị đều đến chính quyền xã và chỉ khi xã hòa giải không thành họ mới được giải quyết theo luật pháp. Bởi thế, ở xã Zuoih, một số phụ nữ đã chủ động nộp đơn ly dị do không chịu được bạo lực của người chồng và họ được đưa các con về sống cùng với mình. Luật tục cũng cho phép phụ nữ có quyền ly dị nếu người chồng đối xử không tốt với người vợ và sau đó cả hai người đều tự do đi đến cuộc hôn nhân mới. Khác với trước đây, nay người vợ không phải đền bù lại số tài sản thách cưới đã nhận khi kết hôn,

thay vào đó những tài sản chung hay con chung của hai vợ chồng sẽ được chính quyền phân xử một cách công bằng và căn cứ theo luật pháp.

### **Kết luận**

Giống như một định kiến trách nhiệm gắn lên bất kỳ người phụ nữ Cơ-tu nào khi họ bước vào cuộc sống gia đình, đó là làm việc cật lực để bù lại những sinh lễ “khổng lồ” mà nhà trai đã mang đến nhà gái khi hỏi cưới. Điều này làm cho họ ít và hầu như không có cơ hội để đưa ra những quyết định trong gia đình, mà chỉ biết làm nương rẫy, chăm sóc con cái, làm việc nhà và tuân theo mọi quyết định của gia đình nhà chồng.

Khi bước vào cuộc sống tái định cư, chủ trương trao quyền sở hữu và sử dụng tài sản hộ gia đình cho phụ nữ, tạo cơ hội để phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội và nâng cao năng lực cùng với việc cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng mà dự án tái định cư Thủy điện Sông Bung 4 mang lại đã góp phần nâng cao nhận thức, vai trò và vị thế của người phụ nữ Cơ-tu trong gia đình và cộng đồng. Đây là những kinh nghiệm cần được tham khảo trong quá trình lập dự án *ổn định đời sống* và sản xuất cho người dân khi tiến hành tái định cư do tác động của những dự án thủy điện trên cả nước nói chung ở tỉnh Quảng Nam nói riêng.

### **Tài liệu tham khảo**

1. ADB (2008), Grant Assistant Report “Livelihood improvement of Vulnerable ethnic minority communities affected by Song Bung 4- hydro-power project in Quang Nam province, Viet Nam”.
2. Trần Thị Mai An (2014), *Tổ chức xã hội truyền thống của người Cơ-tu ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Asian Development Bank. SWECO International 2007, Song Bung 4, Hydro-power project Gender Action Plan.
4. Đỗ Thị Bình và Hoàng Thị Sen (2005), “Vấn đề quản lý và sử dụng đất của phụ nữ dân tộc Cơ-tu - trường hợp ở xã Hồng Hạ, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, số 4.
5. Đặng Minh Ngọc (2018), “Sinh kế của người Cơ-tu ở khu tái định cư Thủy điện Sông Bung 4 (Nghiên cứu ở Thôn 2, xã Tà Pơ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam)”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr. 76-84.
6. Normal, Tilos (2016), *Viet Nam: Implementation and Monitoring of Song Bung 4 hydro-power project Resettlement and Ethnic minority development plan*.
7. Sơn Gia Phúc (2014), “Một tập tục của người Cơ Tu cần được loại bỏ”, đăng trên <http://www.bienphong.com.vn/mot-tap-tuc-cua-nguoi-co-tu-can-duoc-loai-bo/>, (Truy cập ngày 5/10/2019).